**PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II**  **Môn: Sinh học 9. Tiết: 49**  **Năm học: 2021 - 2022** |

**I. MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức:**

**-** Củng cố các kiến thức đã học trong chương VI: Ứng dụng di truyền học, chương I (Phần II): Sinh vật và môi trường

**-** Kiểm tra khả năng lĩnh hội các kiến thức và vận dụng vào thực tế của học sinh.

1. **Năng lực**

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề thực tế.

1. **Thái độ**

- Có ý thức nghiệm túc, cẩn thận khi làm bài

**II. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Cộng** | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Ứng dụng di truyền học** | Biết khái niệm và ứng dụng của CNTB, CNG, khái niệm KTG, CNSH và các lĩnh vực trong CNSH | | Đặc điểm của thoái hóa do tự thụ phấn hoặc giao phối gần, ưu thế lai | |  | |  | |  |
| 8 |  | 4 |  |  |  |  |  | 12 |
| 2đ |  | 1đ |  |  |  |  |  | 3đ |
| **Sinh vật và môi trường** | Khái niệm môi trường, NTST, GHST, ảnh hưởng của các NTST tới sinh vật | | Phân chia sinh vật vào các nhóm dựa vào NTST | | Giải thích một số hiện tượng trong thực tế | | Vận dụng ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống SV trong SXNN | |  |
| 4 | 1/2 | 4 | 1/2 | 8 |  |  | 1 | 18 |
| 1đ | 1đ | 1đ | 1đ | 2đ |  |  | 1đ | 7đ |
| **Tổng câu** | 12,5 | | 8,5 | | 9 | | | | 30 | |
|  |  | |  | |  | | | |  | |
| **Tổng điểm** | 4 | | 3 | | 3 | | | | 10 | |

**ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM MÔN SINH HỌC 9**

**I.TRẮC NGHIỆM: Mỗi câu 0,25đ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **01** | **02** | **03** | **04** |
| 1 | D | A | A | A |
| 2 | A | B | B | C |
| 3 | A | A | C | C |
| 4 | A | C | C | C |
| 5 | C | C | C | D |
| 6 | A | A | B | C |
| 7 | A | C | D | B |
| 8 | B | B | C | C |
| 9 | C | C | B | C |
| 10 | C | D | D | B |
| 11 | A | C | A | C |
| 12 | B | A | D | D |
| 13 | C | D | D | D |
| 14 | C | D | A | D |
| 15 | B | C | C | A |
| 16 | C | C | A | D |
| 17 | B | A | C | A |
| 18 | C | A | A | B |
| 19 | D | A | B | D |
| 20 | B | B | C | D |
| 21 | D | D | A | A |
| 22 | D | B | D | B |
| 23 | B | B | B | A |
| 24 | A | B | A | B |
| 25 | D | D | D | A |
| 26 | B | D | B | A |
| 27 | D | B | D | B |
| 28 | D | D | B | B |

**TỰ LUẬN:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu đạt được** | **Điểm** |
| 1  (2đ) | a. - *Môi trường* là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng.  - Có 4 loại môi trường chủ yếu: Môi trường nước, môi trường trong đất, môi trường trên mặt đất – không khí và môi trường sinh vật.  b.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên sinh vật** | **Môi trường sống** | | 1 | Giun đất | Trong đất | | 2 | Cây xoài | Trên cạn (Mặt đất – không khí) | | 3 | Cá rô phi | Nước | | 4 | Dế mèn | Trong đất | | 5 | Con mèo | Trên cạn (Mặt đất – không khí) | | 6 | Bạch tuộc | Nước | | 7 | Sán lá máu | Sinh vật | | 8 | Giun đũa | Sinh vật | | 0,5đ  0,5đ  1đ |
| 2  (1đ) | Con người đã vận dụng những hiểu biết về ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất và chất lượng nông sản:  - Lựa chọn giống vật nuôi phù hợp đặc điểm nhiệt độ, độ ẩm của từng địa phương.  - Xây dựng chuồng trại sao cho nhiệt độ, độ ẩm phù hợp với từng vật nuôi ( mát vào mùa hè, ấm vào mùa đông)  - Lựa chọn giống cây trồng phù hợp với điều kiện nhiệt độ, độ ẩm của từng địa phương.  - Tưới tiêu hợp lý. | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |

***Giáo viên ra đề Nhóm trưởng duyệt Ban giám hiệu duyệt***

***Quách Thị Nhung Hoàng Thu Hiền Đặng Thị Tuyết Nhung***